

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRI TÔN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2019/HNGĐ- ST

Ngày: 20-8-2019.

“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN – TỈNH AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Nữ Ngọc Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vành Si Tha

Bà Nguyễn Thị Mụi

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Kim Liệu

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:
Ông: Châu Pho Ly - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 117/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2019 về ly hôn, tranh chấp nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2019/QĐXX-ST ngày 06 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị T, sinh năm 1994; nơi cư trú: Tổ 9, ấp N, xã A, huyện T, tỉnh An Giang (có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Nhứt D sinh năm 1994; nơi cư trú: Tổ 7, ấp G, xã L, huyện T, tỉnh An Giang (xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn ly hôn ngày 09-4-2019 và lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị Lê Thị T trình bày: Chị Lê Thị T và anh Nguyễn Nhứt D tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng, có tổ chức lễ cưới vào năm 2017 và có đăng ký kết hôn vào năm 2018 quá trình chung sống chị T và anh D không có con chung. Cuộc sống hôn nhân anh chị hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân chính là thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm sống, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mặc dù chị T đã nhiều lần cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không được. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể tiếp tục chị Lê Thị T yêu cầu xin ly hôn với anh Nguyễn Nhứt D.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Theo biên bản ghi lời khai ngày 24-7-2019 bị đơn anh Nguyễn Nhứt D trình bày: anh và chị Lê Thị T tự nguyện sống chung vào năm 2017, có đăng ký kết hôn năm 2018, quá trình chung sống vợ chồng anh và chị không có con chung. Anh cũng D thừa nhận tình trạng hôn nhân như chị T trình bày, cuộc sống hôn nhân giữa anh và chị T không hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm sống, mục đích hôn nhân không đạt được, mặc dù anh D đã nhiều lần cố gắng hàn gắn nhưng không được. Nay chị T xin ly hôn anh D đồng ý ly hôn.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, nguyên đơn chị Lê Thị T có mặt, bị đơn anh Nguyễn Nhứt D đã được Tòa án đã tiến hành triệu tập họp lệ để tham gia phiên họp, hòa giải nhưng anh D có đơn xin vắng mặt, nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn chị Lê Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn Nguyễn Nhứt D; về con chung: Không có; tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Nhứt D đã được Tòa án đã tiến hành triệu tập họp lệ tham gia phiên tòa nhưng anh D xin vắng mặt tại phiên tòa, theo lời khai anh D: Anh D đồng ý ly hôn; anh và chị T không có con chung; tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Về việc chấp hành pháp luật:

Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Riêng bị đơn, mặc dù đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa vi phạm Điều 72 BLTTDS.

- Về ý kiến việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa nhận thấy: Vào năm 2017 chị T và anh D tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết

hôn vào ngày 20/7/2018 tại Ủy ban nhân dân xã Lương An Trà, huyện Tri Tôn được xem là quan hệ hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc nhưng sau đó thường xuyên cãi vã, do anh D không quan tâm đến gia đình mặc dù chị đã khuyên nhiều lần nhưng vẫn không thay đổi. Do đó nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn lại được làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T xin ly hôn với anh D và theo lời khai của anh D cũng đồng ý ly hôn với chị T. Từ những chứng cứ nêu trên, xét thấy chị T xin ly hôn với anh D là có căn cứ chấp nhận.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Từ những phân tích trên, đề nghị Tòa án xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phân tích, đánh giá về vụ án như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Nguyễn Nhứt D cư trú tại ấp Giồng Cát, xã Lương An Trà, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang, quan hệ tranh chấp là quan hệ hôn nhân và gia đình là loại tranh chấp được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và theo quy định khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Nhứt D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến để tham gia phiên tòa sơ thẩm, anh D có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt đối với anh Nguyễn Nhứt D.

[3] Về nội dung tranh chấp: Quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị T và anh Nguyễn Nhứt D được xác lập trên cơ sở tự nguyện sống chung với nhau vào năm 2017, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào năm 2018 đúng theo quy định Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình, chị T và anh D không có con chung. Quá trình chung sống chị T và anh D hạnh phúc được một thời gian sau đó phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân chủ yếu do bất đồng quan điểm sống, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, mặc dù giữa chị T và anh D nhiều lần cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không được nên nay không thể tiếp tục cuộc sống vợ chồng. Nay chị T xin ly hôn, anh D đồng ý thuận tình ly hôn.

Theo biên bản xác minh ngày 17/7/2019 tại ban ấp Giồng Cát, xã Lương An Trà, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang cho biết tại địa phương anh D thường xuyên tụ tập bạn bè, rượu chè, nhậu nhẹt, công việc không ổn định. Chị T và anh D không có con chung.

Hội đồng xét xử nhận thấy Hôn nhân là nhằm giúp vợ chồng xây dựng gia đình no ấm, hạnh phúc, tuy nhiên trong cuộc sống hôn nhân vợ chồng không có tiếng nói chung,

cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, giữa anh và chị không giành thời gian quan tâm chăm sóc nhau, chia sẻ, động viên nhau trong công việc cũng như trong cuộc sống gia đình. Từ đó Hội đồng xét xử nhận thấy tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh D rơi vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị T về việc yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Nhứt D là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Không có. Hội đồng xét xử đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh D khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Lê Thị T là nguyên đơn trong vụ án hôn nhân và gia đình, chị T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 9, Điều 56, của Luật hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị T.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Nhứt D.

Giấy chứng nhận kết hôn số 51, ngày 20 tháng 7 năm 2018 của Ủy ban nhân dân xã Lương An Trà, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Lê Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà chị T đã nộp theo biên lai thu số 0012288 ngày 09 tháng 4 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tri Tôn.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Tri Tôn;
- THADS huyện Tri Tôn;
- Ủy ban nhân dân xã Lương An Trà
huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đào Nữ Ngọc Lan